

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 31/7/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông La Minh Dũng-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 153/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12/12/2018 về “Ly hôn”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 72/2018/HNGĐ-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2019/QĐ-PT ngày 25/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu O

Hộ khẩu thường trú: xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Nơi cư trú: xã G, huyện Th, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc

Nơi cư trú: xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai

3. Người kháng cáo: Ông Lê Quốc L

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Phan Thị Thu O trình bày:

Bà và ông Lê Quốc L tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng

ký kết hôn và được UBND xã G, huyện Th, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 167 quyền số 01/2009 ngày 07/12/2009.

Nay bà O xin ly hôn vì theo bà vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau về nhiều vấn đề, nhưng chủ yếu là về kinh tế. Ông L không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, mọi công to việc lớn trong nhà chủ yếu do mình bà lo liệu. Đã nhiều lần bà nói với ông L là tìm một công việc phù hợp để làm phụ giúp bà một phần kinh tế trong nhà, cũng như nuôi dạy con cái nhưng ông không nghe mà mọi việc đều để tự bà lo liệu. Bản thân bà đã phải lo cho gia đình nhỏ của mình còn phải gánh vác cả công việc nhà chồng, bà thấy cuộc sống quá nhiều áp lực, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L. Hiện tại bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 03/2018 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ vợ chồng với nhau, độc lập về kinh tế, tình cảm của bà dành cho ông L cũng không còn.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi 01 con chung là Lê Quốc A, sinh ngày 13/4/2015. Bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại con chung đang ở với ông L, lý do con ở với ông L là từ tháng 03/2018 khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bản thân bà cũng chưa muốn ly hôn nên bà về nhà cha mẹ để suy nghĩ về quan hệ hôn nhân của mình, thời gian đầu hàng tuần ông L vẫn chở con xuống chơi với bà, nhưng mấy tháng gần đây ông không chở con xuống với bà, bà nói thì ông không đồng ý cho bà thăm con. Bản thân người làm mẹ như bà rất đau khổ vì thương nhớ con, con bà còn nhỏ mỗi lần gặp bà cháu đều khóc và đòi ở với bà. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giao con cho bà nuôi, sau này cháu lớn cháu muốn ở với ai là quyền của cháu.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

** Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Lê Quốc L trình bày:*

Quá trình đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như bà O trình bày đúng. Theo ông nguyên nhân chính để bà O xin ly hôn là do bà ngoại tình với người đàn ông khác, bà không còn thương yêu ông và cũng không chăm lo cho cuộc sống của gia đình, nhưng vì thương con và ông là người có đạo nên ông không đồng ý ly hôn với bà O. Ông thừa nhận trong gia đình thì ông và bà O phải lo chi tiêu nhiều hơn các bà em trong nhà, do nhà chỉ có mình ông là con trai.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con. Lý do ông muốn được nuôi con là do ông có công ăn việc làm, nơi ở ổn định, bà O thì không có điều kiện nuôi con, hơn nữa việc bà O ngoại tình theo ông bà không đủ phẩm chất để nuôi dạy con. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được nuôi con, tạm thời ông không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

** Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 72/2018/HNGĐ-ST ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tuyên xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu O. Cho bà Phan Thị Thu O được ly hôn với ông Lê Quốc L.

- Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Thu O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 (một) con chung là Lê Quốc A, sinh ngày 13/4/2015. Tạm thời bà Phan Thị Thu O không yêu cầu ông Lê Quốc L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lê Quốc A.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của ông Lê Quốc L.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 22/10/2018 bị đơn ông Lê Quốc L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung cho ông nuôi dưỡng.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: cơ bản đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về đường lối giải quyết:

Qua trình bày của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, các chứng cứ do đương sự cung cấp, kết quả xác minh của Tòa án thì kể từ thời điểm vợ chồng sống ly thân vào tháng 03/2018 đến nay, ông L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu Lê Quốc A phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Ông L có nơi ở ổn định là nhà được mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Th ủy quyền sử dụng. Trong khi bà O đang ở chung với cha mẹ, không có nhà riêng. Ông L có thu nhập ổn

định, có sự hỗ trợ của em gái sống chung nhà trong việc chăm sóc con. Nhằm tránh xáo trộn làm ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của con chung nên kháng cáo của ông L là có căn cứ chấp nhận. Từ nhận định trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu Lê Quốc A cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời bà O không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Bị đơn ông Lê Quốc L nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo của ông L được thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa các đương sự giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia gia tố tụng: cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Nội dung kháng cáo

[3.1] Về phạm vi giải quyết phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm không bị kháng nghị, bị đơn ông L chỉ kháng cáo đối với quan hệ con chung, như vậy các nội dung khác của bản án sơ thẩm gồm quan hệ hôn nhân, tài sản và nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo:

Ông L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu Lê Quốc A, sinh ngày 13/4/2015 cho ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục do cho rằng từ thời điểm tháng 03/2018 vợ chồng ly thân đến nay ông là người trực tiếp nuôi con, thời gian này con chung phát triển bình thường; bản thân ông có công việc, thu nhập ổn định, có thời gian cũng như được sự hỗ trợ của người thân trong việc chăm sóc con. Bên cạnh đó ông L cũng cho rằng bà O tự ý rời khỏi gia đình do có quan hệ nam nữ bất chính, không có trách nhiệm với con, không đủ tư cách, nhân phẩm để nuôi dạy con tốt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác định nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018 là do ông

nhận được thông tin bà O ngoại tình với người đàn ông khác. Cũng vì lý do này, ông không cho bà O trực tiếp nuôi con khi các bên sống ly thân.

Ông L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người trông coi xứ S (cha xứ) nơi gia đình ông L sinh sống vì người làm chứng biết rõ quá trình thăm nom con chung trong thời gian vợ chồng ly thân. Tuy nhiên, lời khai của người làm chứng trên cho thấy bà O và gia đình vẫn quan tâm chăm sóc tìm hiểu về cuộc sống của cháu A trong thời gian vợ chồng ông bà mâu thuẫn. Bản thân cha xứ nhiều lần đề nghị ông L cho bà O thăm con nhưng ông L không đồng ý. Lời khai của chính ông L cũng xác nhận việc bà O không thể đến thăm con từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2018 là do ông L đưa con đi chơi nơi khác. Từ tháng 6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm tháng 10/2018, ông L có tự mình chở con đến nơi bà O ở (nhà cha mẹ ruột của bà O) vào cuối tuần. Từ thời điểm xét xử sơ thẩm đến nay ông L không cho bà O thăm con mặc dù bà đã nhiều lần đề nghị. Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử xác định trong thời gian ly thân, bà O vẫn thể hiện sự quan tâm, có trách nhiệm đối với con chung. Trình bày của ông L cho rằng bà O thiếu trách nhiệm bỏ mặc con chung cho ông chăm sóc là không phù hợp.

Đối với việc ông L cho rằng bà O ngoại tình với người đàn ông khác nên không đủ tư cách, nhân phẩm để nuôi dạy con tốt. Xét mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện, ấn định thời gian nhưng ông L không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Đương sự thừa nhận không cung cấp được văn bản xác nhận nguồn gốc của hình ảnh, tài liệu về các tin nhắn qua điện thoại trao đổi giữa bà O với người đàn ông khác do mình cung cấp trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, phúc thẩm nhằm chứng minh bà O ngoại tình; cũng không có bản chính để đối chiếu trong khi phía nguyên đơn bà O không thừa nhận. Do đó các tài liệu trên không được coi là chứng cứ. Từ các lý do trên, Hội đồng xét xử xác định nội dung trình bày trên của ông L là không có căn cứ chấp nhận.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà O cung cấp thêm kết quả khám phụ khoa ngày 28/5/2019 tại Bệnh viện phụ sản Mê Kông chuẩn đoán bà bị vô sinh. Ông L cũng thừa nhận bà O có tiền sử bệnh phụ khoa, đã bị cắt một bên buồng trứng, khả năng sinh con khác là khó khăn.

Các bên đương sự đều mong muốn được tự mình trực tiếp nuôi con chung, đây là nguyện vọng chính đáng của người làm cha mẹ. Các bên đều có điều kiện về kinh tế để nuôi dạy con tốt, đều thể hiện được trách nhiệm đối với con chung, không thuộc một trong các trường hợp hạn chế quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên xét cháu A vẫn còn quá nhỏ (hiện chỉ hơn 04 năm tuổi) cần sự chăm sóc gần gũi của mẹ nhiều hơn. Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm ông L xác định sẽ đưa cháu A ra nước ngoài để sinh sống trong khi bà O lại là phụ nữ khó có khả năng sinh con. Việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm giao cháu A cho mẹ chăm sóc là hợp tình, hợp lý.

Từ các căn cứ trên, yêu cầu kháng cáo của ông L đề nghị sửa bản án sơ thẩm về người trực tiếp nuôi con không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm có 1 số nội dung chưa phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần sửa lại cách tuyên án.

[4] Về án phí: Do bản án sơ thẩm nên ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông L không phù hợp nhận định xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bác kháng cáo của ông Lê Quốc L, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 119, 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu O, cho bà O được ly hôn với ông Lê Quốc L.

- Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Thu O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Quốc A, sinh ngày 13/4/2015.

Tạm thời ông Lê Quốc L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của ông Lê Quốc L.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có

2. Về án phí:

Bà O phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 000494 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả ông L 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 001080 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND T.Đồng Nai;
- Cục THADS T.Đồng Nai;
- Chi cục THADS H.T;
- TAND H. T
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sự